

Số: 07-TB/HĐBT,HT&TĐC

Phù Liễn, ngày 17 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất ở thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An (đợt 1)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND của UBND phường Phù Liễn về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ kết quả đo đạc, kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của các hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi thu hồi đất,

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn thông báo:

1. Nội dung niêm yết công khai

Niêm yết công khai Dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 81 hộ gia đình, cá nhân thuộc địa bàn các tổ dân phố: Đầu Sơn 1, Đầu Sơn 2, Đầu Phụng 2, Lê Tảo 3, Kha Lâm 6, Đồng Tử 2, Đồng Tử 3 có đất ở bị thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An (nay là phường Phù Liễn)

Nội dung dự thảo phương án bao gồm:

- Diện tích đất thu hồi của từng hộ gia đình, cá nhân;
- Mức bồi thường về đất, công trình, vật kiến trúc, cây trồng;
- Các khoản hỗ trợ theo quy định
- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

(Có bảng tổng hợp kèm theo).

2. Địa điểm niêm yết

- Trụ sở UBND phường Phù Liễn;

- Nhà văn hóa các tổ dân phố: Đầu Sơn 1, Đầu Sơn 2, Đầu Phụng 2, Lệ Tảo 3, Kha Lâm 6, Đồng Tử 2, Đồng Tử 3.

3. Thời gian niêm yết

Thời gian niêm yết công khai: **10 ngày**, kể từ ngày **17 tháng 4 năm 2026** đến hết ngày **27 tháng 4 năm 2026**.

4. Tiếp nhận ý kiến của người dân

Trong thời gian niêm yết công khai, đề nghị các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi:

- Nghiên cứu nội dung dự thảo phương án;
- Trường hợp có ý kiến, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản hoặc phản ánh trực tiếp đến Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn để được xem xét, tổng hợp, điều chỉnh theo quy định.

Hết thời hạn niêm yết công khai nêu trên, nếu các hộ dân không có ý kiến hoặc ý kiến sẽ được giải quyết theo quy định, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn sẽ hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Trường hợp chưa hết thời hạn niêm yết nêu trên, nếu các hộ đồng ý dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và đề nghị được chi trả tiền thì sẽ được xem xét phê duyệt phương án và chi trả sớm trước thời hạn.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phường Phù Liễn trân trọng thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND phường Phù Liễn;
- Công thông tin điện tử phường Phù Liễn;
- Phòng KT,HT&ĐT phường;
- Trung tâm Dịch vụ SNC phường;
- Các TDP: Đầu Sơn 1, Đầu Sơn 2, Đầu Phụng 2, Lệ Tảo 3, Kha Lâm 6, Đồng Tử 2, Đồng Tử 3
- Lưu: HDBTTr&TĐC.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Nguyễn Văn Lộc**

UBND PHƯỜNG PHÙ LIỄN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phù Liễn, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, TÀI SẢN TRÊN ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT Ở THU HỒI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 5 VỚI QUỐC LỘ 10 ĐOẠN ĐI QUA ĐỊA BÀN QUẬN KIẾN AN (ĐỢT 1)

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m ²)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
TDP ĐẦU SƠN 1							
1	Nguyễn Văn Quang vợ là Trần Thị Là	35,0	982.800.000				982.800.000
2	Trần Thị Thắm - Người đại diện thừa kế	27,4	769.392.000				769.392.000
3	Đặng Hữu Nghị vợ là Vũ Thị Thảo	33,4	27.518.400				27.518.400
4	Phạm Kim Phú vợ là bà Vũ Thị Vân	19,2	539.136.000				539.136.000
5	Nguyễn Đình Tấn	25,3	609.224.000				609.224.000
6	Ngô Văn Tiến	110,5	3.035.448.000	153.548.500	1.675.000		3.190.671.500
7	Vũ Văn Đức vợ là Nguyễn Phương Yến	122,1	2.701.296.000	494.297.294			3.195.593.294
8	Bùi Văn Long	124,1	2.667.600.000	468.703.110	92.800		3.136.395.910



STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
9	Nguyễn Đắc Trinh vợ là Bùi Thị Thanh Hương	105,9	2.524.392.000	806.174.198			3.330.566.198
10	Bùi Tiến Nhân	116,0	556.248.000	45.926.883			602.174.883
11	Bùi Quang Đoàn	181,7	4.930.848.000	822.505.902			5.753.353.902
12	Nguyễn Mạnh Lai vợ Trần Thị Hòa	92,8	2.605.824.000	117.319.894	437.200		2.723.581.094
13	Nguyễn Uyên Nhi	105,2	2.782.728.000	175.320.792	40.000		2.958.088.792
14	Nguyễn Thị Yến - Đại diện những người được thừa kế	164,8	2.864.160.000	654.875.303	664.000		3.519.699.303
15	Bùi Bá Hùng	78,8	1.801.184.000	211.483.945	1.533.000		2.014.200.945
16	Trần Thành Khanh vợ là Nguyễn Thị Nga	101,4	2.246.400.000	515.143.924			2.761.543.924

TDP ĐẦU SƠN 2

17	Trần Thị Hương Lan	30,7	674.240.000				674.240.000
18	Phạm Hữu Quỳnh vợ là Phạm Thị Tuyên	12,2	303.264.000				303.264.000
19	Bùi Văn Tuấn vợ là Phạm Thị Hoài	25,6	718.848.000				718.848.000
20	Đào Mạnh Tấn vợ là bà Phạm Thị Thâm	10,5	53.352.000				53.352.000

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
21	Vũ Thị Cúc - Người đại diện thừa kế	28,9	695.912.000				695.912.000
22	Ngô Thanh Phong vợ là Lê Thị Lợi	27,4	744.120.000				744.120.000
23	Lương Quang Thắng	30,1	766.584.000				766.584.000
24	Đặng Minh Phương vợ Bùi Thị Bình	28,5	800.280.000				800.280.000
25	Đào Văn Sĩ	80,0	2.246.400.000	177.215.237			2.423.615.237
26	Vũ Thị Điềm	83,7	2.246.400.000	108.506.097			2.354.906.097
27	Quách Huy Dương vợ là Lê Thị Thanh Lan	93,3	2.246.400.000	520.999.011			2.767.399.011
28	Nguyễn Thị Xanh	100,6	2.246.400.000	575.683.179			2.822.083.179
29	Trịnh Đức Cảnh vợ là Đinh Thị Thùy Giang	81,9	1.988.064.000	190.671.296			2.178.735.296
30	Lê Quang Hợp vợ là Đỗ Thị Tuyết	95,1	2.246.400.000	33.196.198	111.000		2.279.707.198
31	Đàm Văn Phương vợ là Vũ Thị Chính	91,1	2.246.400.000	413.840.007			2.660.240.007
32	Nguyễn Văn Phương vợ là Trần Thị Thảo	96,8	1.926.400.000	740.958.831			2.667.358.831
33	Ngô Thị Thu	79,0	2.218.320.000	429.881.668			2.648.201.668

(HỒ TÀI KHOẢN) (PHỤ KÝ Đ. AN. QU. PH. U. B.)

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
34	Nguyễn Xuân Vĩnh vợ là Đinh Thị Mai Hương	93,8	2.246.400.000	173.976.549			2.420.376.549
35	Quách Văn Hà	80,80	1.926.400.000	139.279.891			2.065.679.891

TDP ĐẦU PHƯƠNG 2

36	Trần Thành Mịn vợ là bà Vũ Thị Vân	315,6	7.300.800.000	102.368.755			7.403.168.755
37	Trần Thành Thơi vợ là Võ Thị Liên	102,4	1.834.896.000	959.589.107	240.640		2.794.725.747
38	Bùi Văn Chiến vợ là Trần Thị Ngãi	32,1	664.608.000				664.608.000
39	Nguyễn Kim Việt vợ là Đỗ Thị Yên	30,9	741.312.000				741.312.000
40	Đặng Thị Thuận	32,9	783.432.000				783.432.000
41	Nguyễn Hữu Lập vợ là Bùi Thị Bích Thủy	34,2	797.472.000				797.472.000
42	Bà Lê Thị Hát	31,4	786.240.000				786.240.000
43	Đặng Văn Hợp vợ là Nguyễn Thị Tuyết Lan	20,6	578.448.000				578.448.000
44	Vũ Văn Dương vợ là Đào Thanh Thanh Huệ	7,3	204.984.000				204.984.000
45	Phạm Quang Vượng vợ là Nguyễn Thị Thúy	16,0	373.464.000				373.464.000

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
46	Vũ Thị Vân	23,3	412.776.000				412.776.000
47	Bùi Thị Gái	29,8	780.624.000				780.624.000
48	Phạm Tiến Luật vợ là Hoàng Thị Lan	35,7	971.568.000				971.568.000
TDP LỆ TẢO 3							
49	Ông Đặng Xuân Thiêm và vợ là bà Phạm Thị Tô	99,8	1.213.600.000				1.213.600.000
50	Ông Đặng Bá Ty	90,1	1.453.600.000				1.453.600.000
TDP KHA LÂM 6							
51	Ông Nguyễn Đức Thắng	57,50	534.750.000				534.750.000
52	Ông Đào Vĩnh Tuyển vợ là bà Đoàn Thị Duyên	59,1	549.630.000				549.630.000
53	Ông Phạm Văn Thuận	60,8	565.440.000				565.440.000
54	Ông Nguyễn Văn Đức vợ là bà Phạm Thị Vy	74,1	689.130.000				689.130.000
55	Ông Phạm Văn Xiềng vợ là bà Nguyễn Thị Yên	45,9	470.016.000				470.016.000
56	Ông Phạm Văn Thoả vợ là bà Vũ Thị Duyên	77,2	717.960.000,0				717.960.000



STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
57	Bà Phạm Thị Hoà	83,2	851.968.000				851.968.000
58	Ông Phạm Văn Biệt	236,6	3.731.160.000				3.731.160.000
59	Ông Phạm Văn Trọng	231,3	3.731.160.000				3.731.160.000
60	Bà Trần Thị Mai	48,5	858.450.000				858.450.000
61	Ông Đỗ Văn Công	96,8	1.536.360.000				1.536.360.000
62	Ông Đào Văn Xuyên và vợ là bà Nguyễn Thị Nguyệt	20,1	186.930.000				186.930.000
63	Ông Nguyễn Văn Phương và vợ là bà Trịnh Thị Thanh Huyền	11,1	103.230.000				103.230.000
64	Ông Phạm Văn Khoa và vợ là bà Nguyễn Thị Liên	2,4	22.320.000				22.320.000
65	Ông Nguyễn Thế Hiếu và vợ Vũ Thị Khen	63,6	435.240.000				435.240.000
66	Ông Nguyễn Huy Hiệu và vợ Phạm Thị Tú Anh	42,2	392.460.000				392.460.000
67	Bà Đinh Việt Phương	47,6	442.680.000				442.680.000
68	Ông Phạm Văn Nghị và vợ là bà Phạm Thị Kim Thoa	48,0	446.400.000				446.400.000
69	Ông Phạm Xuân Tuyến	48,4	450.120.000				450.120.000

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
70	Ông Phạm Đăng Ninh và vợ là bà Đỗ Thị Thơm	51,1	454.770.000				454.770.000
71	Nguyễn Thiện Chúc vợ Đỗ Thị Thuý	19,9	173.910.000				173.910.000

TDP ĐỒNG TỬ 2

72	Nguyễn Đức Huyền	50,4	315.757.200				315.757.200
73	Nguyễn Thị Thu	47,3	320.221.000				320.221.000
74	Hoàng Minh Tuấn	46,2	289.674.000				289.674.000
75	Hoàng Minh Tuấn	47,3	320.221.000				320.221.000
76	Hoàng Minh Tuấn	46,3	290.301.000				290.301.000
77	Hoàng Tuấn Duy	46,0	288.420.000				288.420.000
78	Hoàng Tuấn Duy	46,1	289.047.000				289.047.000
79	Hoàng Tuấn Duy	46,2	289.674.000				289.674.000
80	Diện tích sử dụng chung cho các thửa: 119, 120, 121, 122, 123, 124	55,5	347.985.000				347.985.000

TDP ĐỒNG TỬ 3

STT	Họ và Tên	Diện tích thu hồi đang sử dụng (m2)	Bồi thường về đất (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ Vật kiến trúc (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ cây trồng (đồng)	Khoản hỗ trợ	Tổng bồi thường, hỗ trợ Chi phí bảo đảm (đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8
81	Đào Anh Đông	36,1	244.397.000				244.397.000
	Cộng	5408,44	99.422.387.600	9.031.465.571	4.793.640	0	108.458.646.811